TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 26 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI- TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Huyện và bà Bùi Thị Minh Châu;

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Công Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên toà: Ông Đàm Công Tư- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 20/10/1970, tại tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; nơi tạm trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 07/10; Con ông Trần Văn H (đã chết) và bà Trần Thị A (đã chết); anh chị em: có 05 người bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ Vũ Thị T, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến 24/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Ngày 14 tháng 6 năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum xử phạt 08 tháng tù, cho hưởng án treo về tội *"Đánh bạc*", đã được xóa án tích.

2. Trần Tú H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/8/1976, tại tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học

vấn: 9/12; Con ông Trần Xuân P (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; anh chị em: có 07 người bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; vợ Lê Thị Yến N (đã ly hôn), có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 21 tháng 4 năm 2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 07 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến 24/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thanh T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 12/4/1980, tại tỉnh G; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Đặng Thị ; anh chị em: có 08 người bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ Nguyễn Kim Y, có 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến 24/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phan N; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/01/1976, tại tỉnh Q; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 08/12; Con ông Phan X và Nguyễn Thị N; anh chị em: có 07 người bị cáo là con thứ tư trong gia đình; vợ Nguyễn Thị Thu H, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến 17/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Phú D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/10/1981, tại tỉnh B; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Phú Đ và Ngô Thị L (đã chết); anh chị em: có 03 người bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ Phạm Thị Đ, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến 24/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Đặng Thế T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/8/1979, tại tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi ĐKHKTT: Thôn Đăk Vang, xã Sa Loong, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 02/12; Con ông Đặng Thế C (đã chết) và bà Lê Thị C; anh chị em: có 07 người bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ Lương Thị H, có 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến 17/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Ngô Đức T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/10/1986, tại tỉnh N; Nghề nghiệp: Làm nông; Nơi ĐKHKTT: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Kon Tum; chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Ngô Đức H và bà Trương Thị Q; anh chị em: có 02 người bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ Đoàn Thị N, có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến 24/02/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trương Thí Q; Sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. (Có mặ)t.

- Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện Ni, tỉnh Kon Tum. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Ngày 11/02/2023, Công an huyện N nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà ở của Trần Văn T, sinh năm 1970, thuộc tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum có một số đối tượng đang đánh bạc trái phép. Khoảng 22 giờ 40 cùng ngày, Công an huyện N cử tổ công tác phối hợp với Công an thị trấn P kiểm tra địa điểm trên thì phát hiện có 07 đối tượng đang ngồi tại phòng khách có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng gồm: Trần Văn T *(sinh năm 1970, nơi thường trú: tổ dân phố 5, thị trấn Đ, Đ, tỉnh Kon Tum)*, Ngô Đức T (*sinh năm 1986, nơi thường trú: thôn G, S, i, tỉnh Kon Tum),*

Đặng Thế T *(sinh năm: 1979, nơi thường trú: thôn Đ, S, N, tỉnh Kon Tum),* Trần Tú H, sinh năm 1976, Nguyễn Phú D, sinh năm 1981; Nguyễn Thanh T sinh năm 1980; Phan N, sinh năm 1976 *(cùng nơi thường trú: tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum).* Tại thời điểm kiểm tra, tổ công tác phát hiện ở giữa chiếu bạc có một bộ bài tây (loại 52 lá) và số tiền 160.000 đồng (một trăm sáu mươi nghìn đồng). Kiểm tra trên chiếu bạc và người các con bạc phát hiện: Ngay trước chỗ Phan N ngồi có số tiền 1.370.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng), trong túi quần sau bên phải N đang mặc có số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Ngay trước chỗ Trần Văn T ngồi có số tiền 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng), trong ví để ở túi quần sau bên trái T đang mặc có số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Ngay trước chỗ Ngô Đức T ngồi có số tiền 280.000 đồng (hai trăm tám mươi nghìn đồng), trong túi quần trước bên phải Thạnh đang mặc có số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Ngay trước chỗ Trần Tú H ngồi có số tiền 1.720.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), trong túi áo phía trước bên trái H đang mặc có số tiền 240.000 đồng (hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Ngay trước chỗ Đặng Thế T ngồi có số tiền 620.000 đồng (sáu trăm hai mươi nghìn đồng). Ngay trước chỗ Nguyễn Thanh T ngồi có số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), trong túi quần trước bên trái T đang mặc có số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ngay trước chỗ Nguyễn Phú D ngồi có số tiền 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số tiền phát hiện là 16.450.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Kiểm tra xung quanh nơi đánh bạc phát hiện một bộ bài tây (loại 52 lá) đã qua sử dụng ở nền nhà phía sau chỗ Trần Tú H ngồi. Ngô Đức T khai nhận số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) để trong túi quần trước bên phải của Ngô Đức T không dùng để đánh bạc. Các đối tượng khai nhận tổng số tiền 9.450.000đ (chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) phát hiện còn lại thì những người này dùng để đánh bạc. Công an huyện Ngọc Hồi đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo trên về hành vi đánh bạc và tạm giữ số tiền 16.450.000 đồng (mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) cùng tang vật liên quan.

Kết quả điều tra đã xác định: Chiều ngày 11/02/2023, Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Phú D, Nguyễn Thanh T, Ngô Đức T, Đặng Thế T, Phan N cùng một số người dân tổ chức liên hoan cúng xóm đầu năm. Khoảng 22 giờ 00 cùng ngày, sau khi nhậu xong, Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Phú D, Nguyễn Thanh T Ngô Đức T, Đặng Thế Ti, Phan N rủ nhau đến nhà của Trần Văn T tại TDP 5, thị trấn P để đánh bạc. Sau đó, T đi bộ một mình đến quán tạp hóa của chị Phan Thị Ng mua hai bộ bài tây loại 52 lá mang về nhà T để đánh bạc. Trong đó số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc:

- T mang theo số tiền 2.420.000 đồng sử dụng toàn bộ để đánh bạc;

- D mang theo 520.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc;

- T mang theo 3.910.000 đồng nhưng cho Trần Tú H vay 2.000.000 đồng, T sử dụng số tiền còn lại là 1.910.000 đồng để đánh bạc;

- H mang theo 260.000 đồng dùng toàn bộ số tiền này và số tiền 2.000.000 đồng vay Nguyễn Thanh T để đánh bạc;

- N mang theo số tiền 1.520.000đ, sử dụng toàn bộ để đánh bạc;

- T mang theo số tiền 390.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc;

- T mang theo số tiền 430.000 đồng, sử dụng toàn bộ để đánh bạc.

Cả nhóm ngồi tại phòng khách, sử dụng hai bộ bài tây do Đặng Thế T mua về để đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng. Khoảng 22 giờ 30 cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bà Trương Thị Q là mẹ ruột của Ngô Đức T gọi điện thoại nói T về nhà để đưa tiền nhờ T hôm sau đi mua phân bón. Sau đó, T đi về nhà bà Q nhận số tiền 7.000.000 đồng rồi bỏ trong túi quần trước bên phải T đang mặc rồi T tiếp tục quay lại đánh bạc. Tuy nhiên, T không sử dụng số tiền bà Q đưa cho nói trên để đánh bạc.

Khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, cả nhóm mới đặt 160.000 đồng *(gồm tiền đặt tẩy của cả nhóm và tiền đặt tẩy dư của Trần Văn T)* giữa chiếu bạc, T chưa chia bài xong thì tổ công tác Công an huyện N và Công an thị trấn P đến kiểm tra, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị can dùng đánh bạc là 9.450.000 đồng *(chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).*

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-NH ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo: Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T cùng về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Trần Tú H từ 09 đến 12 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ, tạm gam.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Phan N từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 50, 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú D từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thế T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Ngô Đức T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo: Nguyễn Thanh T, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T.

Về hình phạt bổ sung đề nghị: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chiếu nhựa đã qua sử dụng; 02 bộ bài tây loại 52 lá đã sử dụng.

- Tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước 9.450.000 đồng.

- Trả lại cho bà Trương Thị Q số tiền 7.000.000đ

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của các bị cáo: Nhất trí như nội dung bản cáo trạng và lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không có tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo Trần Văn : Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trần Tú H: Bị cáo biết hành vi đánh bạc là sai, do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn ở một mình, mẹ bị cáo mới mất, bị cáo mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T: Bị cáo đã biết sai mong HĐXX tạo điều kiện xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có điều kiện chăm lo làm ăn cho gia đình nuôi dạy con cái.

- Bị cáo Phan N: Thưa HĐXX, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo thấy có lỗi đã vì đã vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Phú D: Bị cáo đã biết vi phạm pháp luật, mong HĐXX tạo điều kiện xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có điều kiện chăm lo làm ăn cho gia đình nuôi dạy con cái.

- Bị cáo Đặng Thế T: Bị cáo đã biết sai mong HĐXX mong Toà án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Ngô Đức T: Bị cáo đã biết sai mong HĐXX tạo điều kiện xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để có điều kiện chăm lo làm ăn cho gia đình nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ iên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi cấu thành tội phạm*: Quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu và các tình tiết khách quan đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thu thập có tại hồ sơ vụ án, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thể hiện tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 16/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện

N được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, do đó có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 22 giờ ngày 11 tháng 02 năm 2023, tại nhà của bị cáo Trần Văn T, thuộc TDP 5, thị trấn P, huyện Ni có các bị cáo: Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T đang đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh *"Liêng"*, thì bị Công an huyện N bắt quả tang, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi đánh bạc với tổng số tiền 9.450.000đồng (*chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), cùng tang vật liên quan.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đánh bạc ăn tiền của các bị cáo bị nhà nước ta nghiêm cấm, việc các bị cáo tụ tập đánh bạc, sát phạt tiền của nhau, đã trực tiếp xâm phạm tới trật tự công cộng, làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ mọi hành vi đánh bạc trái phép đều bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền để thu nhập bất chính. Khi các bị cáo đang đánh bạc ăn tiền thì bị bắt quả tang tại chiếu bạc 9.450.000đồng. Do đó, các bị cáo bị truy tố về tội *"Đánh bạc"* theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng nội dung vụ án. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm minh tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết định khung hình phạt:* Xét thấy trong vụ án này các bị cáo cùng nhau thực hiện một tội phạm nhưng không có sự chuẩn bị, tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể, nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ xét xử các bị cáo trong vụ án theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:*

[4.1] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4.2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng đối với tất cả các bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự gì, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Văn T và Trần Tú H phạm tội lần này không phải là phạm tội lần đầu nên bị cáo không được hưởng tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra, đối với bị cáo Trần Văn T có bố là Trần Văn H, là người có công với cách mạng được tặng thưởng nhiều huân huy chương trong kháng chiến: hạng nhất, hàng nhì, hạng ba, gia đình có công với cách mạng có chú ruột là liệt sĩ; hiện nay bị cáo T còn bị bệnh sơ gan có kết luận của bệnh viện, bị cáo T còn là lao động chính trong gia đình để bị cáo có điều kiện làm ăn chăm sóc con cái. Đối với bị cáo Trần Tú Hạ có bố là Trần Xuân P, được nhà nước tặng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, hạng hai. Xét thấy, những người được nhà nước tặng thưởng huân huy chương người thân thích với các bị cáo Trần Văn T và Trần Tú H nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T và Trần Tú H là có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] *Về áp dụng hình phạt:*

Qua xem xét hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo dùng số tiền để đánh bạc không lớn, cũng như với tính chất, mức độ hành vi của tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên đối với bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T, Hội đồng xét xử thấy: đối với cáo Phan N có nghề nghiệp ổn định, căn cứ vào tình hình tài sản, khả năng thi hành của bị cáo N đủ điều kiện áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính, đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, các bị cáo này có nơi làm việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng quy định hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Hình phạt áp dụng như phân tích ở trên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và không cần thiết cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục người phạm tội và phòng ngừa chung, tạo điều kiện sớm cho các bị cáo sớm tái hoà nhập cộng đồng, lao động khắc phục hậu quả của tội phạm.

Đối với bị cáo Trần Văn T phạm tội lần này không phải phạm tội lần đầu, nhưng xét thấy tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, bị cáo đươc hưởng một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và nhiều tình tiết ở khoản 2, ngoài

ra bản thân bị cáo hiện đang bị bệnh sơ gan là một trong những căn bệnh ảnh hưởng nghiệm trọng đến sức khỏe nếu không được điều trị kịp thời, để bị cáo có điều kiện để chữa trị bệnh, cũng như bị cáo T là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nơi cứ trú và làm việc rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự sẽ không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Đối với bị cáo Trần Tú H thì đã bị Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum xử 07 năm tù giam về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Xét thấy bị cáo H đã bị kết án về tội có khung hình phạt rất nghiêm trọng, tuy đã chấp hành xong hình phạt, được xoá án tích, nhưng lần phạm tội này lại với lỗi cố ý thực hiện, điều này thể hiện các bị cáo xem thường pháp luật, cho nên cần cách ly các bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự còn quy định người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước và người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Trong vụ án này các bị cáo N được áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Còn đối với bị cáo Trần Tú H đã áp dụng hình phạt tù đủ tính răn đe. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy tại địa phương các bị cáo T, H, D, Ti, T, T đều làm nông, lao động tự do, thợ sửa xe có thu nhập không ổn định, các bị cáo đều có điều kiện kinh tế gia đình còn nhiều khó khăn nên miễn khâu trừ thu nhập cho bị cáo D, T, T và và hình phạt bổ sung cho các bị cáo Tuấn, Hạ, Dương, Năm, Tri, Thạnh và Thích.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với số tiền 9.450.000 đồng, đây là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Đối với 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh- trắng-vàng (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc chăn màu trắng – vàng – hồng, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Văn T dùng vào việc phạm tội đã không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ;

- Đối với 02 bộ bài tây, loại 52 lá đã sử dụng là dụng cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của bị cáo Ngô Đức T để trong người, quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên toà được xác định đây là số tiền

của bà Trương Thị Q đưa cho T để mua phân bón và Ngô Đức T không dùng vào việc phạm tội cho nên cần trả lại cho bà Q là đúng quy định.

[6] *Hành vi có liên quan đến vụ án:*

Đối chị Vũ Thị T là chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp căn nhà tại tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện N nơi các bị cáo đánh bạc. Tuy nhiên, bị cáo T là chồng của chị T không có hành vi tổ chức việc đánh bạc, không thu bất kỳ khoản tiền gì khác của những người tham gia đánh bạc, không thu lợi gì từ việc đánh bạc của các bị cáo khác; thời điểm đánh bạc chị T không biết gì. Do đó, hành vi này chưa đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, quy định tại Điều 322 Bộ luật hình sự.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T và Ngô Đức T phạm tội *"Đánh bạc";*

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Tú H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành thi hành án, được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12-02-2023 đến ngày 24-02-2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26-6-2023);

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Trần Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 của luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Phan Năm số tiền: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12-02-2023 đến ngày 24-02-2023 là 13 ngày tương ứng với 39 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Nguyễn Thanh T phải chấp hành là 07 (bảy) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phú D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 12-02-2023 đến ngày 24-02-2023 là 13 ngày tương ứng với 39 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Nguyễn Phú D phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày.

- Xử phạt bị cáo Đặng Thế T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 12-02-2023 đến ngày 17-02-2023 là 06 ngày tương ứng với 18 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Đặng Thế T phải chấp hành là 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày.

- Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 12-02-2023 đến ngày 24-02-2023 là 13 ngày tương ứng với 39 ngày cải tạo không giam giữ), được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại mà bị cáo Ngô Đức T phải chấp hành là 04 (bốn) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày.

Thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi các bị cáo được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T, Ngô Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn P

trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T và Ngô Đức T.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo: Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T và Ngô Đức T

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bộ bài tây, loại 52 lá đã qua sử dụng, 01 (một) chiếc chiếu nhựa màu xanh- trắng – vàng trên chiếu có hoạ tiết chữa "CHIEU NHUA PHƯƠNG HOA" đã qua sử dụng, 01 (một) chiếc chăn màu trắng – vàng – hồng, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2023, giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

Tuyên tịch nộp ngân sách nhà nước: 9.450.000đ (*chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tuyên trả lại cho bà Trương Thị Q số tiền 7.000.000đ *(bảy triệu đồng).*

Việc nộp ngân sách nhà nước và trả lại cho bà Trương Thị Q được thực hiện theo biên lai thu tiền số AA/2021/ 0001237 ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Trần Văn T, Trần Tú H, Nguyễn Thanh T, Phan N, Nguyễn Phú D, Đặng Thế T và Ngô Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 26- 6 -2023 các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Q có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các Bị cáo, Người có QLNVLQ;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an huyện Ngọc Hồi;
- Phòng PV27 CA tỉnh KonTum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hành